

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 184/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1977; HKTT: Thôn M, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Tạm trú: Ấp B, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1984; HKTT: Ấp F, xã G, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 23/3/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị S và ông Lê Văn C chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết

hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, ông C thường xuyên uống rượu về nhà gây chuyện nên vợ chồng thường xuyên cãi cự lẫn nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, bà S thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà S và ông C có 01 con chung tên Lê Hải V, sinh ngày 20/6/2017. Khi ly hôn, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà S không có ý kiến gì khác.

*** Theo bản tự khai ngày 07/9/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn trình bày.**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông C thống nhất ý kiến với bà S về quá trình tìm hiểu nhau và kết hôn. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, dẫn đến không hiểu nhau, bà S không chăm lo cho chồng con, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, khi mâu thuẫn trầm trọng bà S đã ôm con ra thuê nhà trọ ở riêng, đến nay đã được khoảng 03 năm. Bà S đang có chồng là ông C nhưng có mối quan hệ với người khác, bản thân ông C không chấp nhận việc này. Bà S cho rằng ông C hay uống rượu thì ông C thừa nhận có uống rượu nhưng không nhiều. Hiện nay, giữa ông C và bà S không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông C thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Vì vậy, trước yêu cầu ly hôn của bà S thì ông C đồng ý thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống ông C và bà S có 01 con chung tên Lê Hải V, sinh ngày 20/6/2017. Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông C không có ý kiến gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành

phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 23/3/2021, bà Lê Thị S có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Lê Văn C nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền:* Bà S khởi kiện ông C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông C hiện đang cư trú tại ấp F, xã G, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Tại phiên tòa, bà S có mặt, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà S và ông C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 15/01/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông C là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Sau khi đăng ký kết hôn năm 2018 vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau ông C hay uống rượu nên vợ chồng hay cự cãi với nhau. Hiện nay hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau hơn 03 năm nay nên không còn tình cảm và hạnh phúc. Vì vậy, bà S làm đơn ly hôn với ông C. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà S thì ông C đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà S và ông C không đạt được những điều đó, hai vợ chồng đã không sống chung. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để hàn gắn

tình cảm vợ chồng nhưng bà S kiên quyết xin ly hôn và ông C đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc khác, bà S và ông C thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Hải V, sinh ngày 20/6/2017. Bà S và ông C đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện tại, bà S làm công nhân có mức thu nhập ổn định. Ông C là người hay uống rượu cũng sẽ có ảnh hưởng nhất định đến việc chăm sóc và giáo dục con chung. Hơn nữa, cháu V là con gái hiện còn rất nhỏ và đang sống với bà S hơn 03 năm nay nên cháu cần được duy trì cuộc sống có sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em khi ly hôn cần giao con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị S tự nguyện không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] *Tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Lê Văn C.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị S được ly hôn với ông Lê Văn C.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Lê Hải V, sinh ngày 20/6/2017 cho bà Lê Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị S không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị S và ông Lê Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Lê Thị S chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045876 ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện D;
- UBND xã G, huyện D, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Quang Bảo